

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 103/2015/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2015

NGHỊ ĐỊNH

Quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Công an nhân dân

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Công an nhân dân ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Công an nhân dân.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Luật Công an nhân dân về: Tuyển chọn công dân vào Công an nhân dân; chức vụ, chức danh tương đương chức vụ Tổng cục trưởng, Tư lệnh trong Công an nhân dân; hạn tuổi phục vụ của sĩ quan Công an nhân dân; chế độ, chính sách đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân nghỉ hưu, chuyển ngành, thôi phục vụ trong Công an nhân dân.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Công an các đơn vị, địa phương; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân.

2. Cơ quan, tổ chức, công dân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài cư trú, hoạt động trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải thực hiện quy định của Nghị định này và các quy định có liên quan khác của pháp luật. Trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác thì áp dụng điều ước quốc tế đó.

Chương II

TUYỂN CHỌN CÔNG DÂN VÀO CÔNG AN NHÂN DÂN

Điều 3. Mục tiêu, nguyên tắc tuyển chọn công dân vào Công an nhân dân

1. Tuyển chọn công dân vào Công an nhân dân nhằm bổ sung cán bộ có đủ tiêu chuẩn, trình độ theo yêu cầu cần thiết cho công tác, chiến đấu của Công an nhân dân trong từng thời kỳ.

2. Tuyển chọn công dân vào Công an nhân dân phải bảo đảm các nguyên tắc sau:

- a) Tập trung dân chủ, đề cao trách nhiệm của thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương;
- b) Công khai, minh bạch, công bằng và đúng pháp luật;
- c) Đúng đối tượng, tiêu chuẩn, điều kiện, trình tự, thủ tục được cấp có thẩm quyền quy định;

d) Ưu tiên tuyển chọn những người có chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ giỏi phù hợp với công tác công an; tuyển chọn bổ sung cho lực lượng trực tiếp chiến đấu.

3. Hàng năm, căn cứ yêu cầu bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm, Bộ trưởng Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Nội vụ trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tổng biên chế của Công an nhân dân. Căn cứ vào biên chế được phê duyệt, Bộ trưởng Bộ Công an quyết định phân bổ biên chế cho Công an các đơn vị, địa phương và căn cứ vào đó để duyệt chỉ tiêu tuyển chọn công dân vào Công an nhân dân.

Điều 4. Tiêu chuẩn, điều kiện tuyển chọn công dân vào Công an nhân dân

1. Tiêu chuẩn tuyển chọn:

- a) Là công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- b) Bảo đảm tiêu chuẩn về chính trị của cán bộ, chiến sĩ Công an nhân dân; có phẩm chất đạo đức, sức khỏe tốt; tự nguyện phục vụ trong Công an nhân dân theo chế độ chuyên nghiệp hoặc chế độ tuyển dụng;
- c) Có trình độ chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ, năng khiếu phù hợp với công tác công an.

2. Điều kiện tuyển chọn:

- a) Công an nhân dân có nhu cầu;
- b) Bảo đảm các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết Khoản 1 Điều này.

Điều 5. Ưu tiên tuyển chọn sinh viên, học sinh vào Công an nhân dân

1. Công an nhân dân được ưu tiên tuyển chọn sinh viên, học sinh xuất sắc tốt nghiệp ở các cơ sở giáo dục đại học và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp có đủ tiêu chuẩn để đào tạo, bổ sung vào Công an nhân dân.

2. Bộ trưởng Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng các Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Nội vụ, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội quy định cụ thể về chính sách thu hút, thủ tục tuyển chọn sinh viên, học sinh xuất sắc tốt nghiệp vào Công an nhân dân. Các cơ sở đào tạo ngoài Công an nhân dân có trách nhiệm phối hợp, tạo điều kiện cho Bộ Công an thực hiện tuyển chọn sinh viên, học sinh xuất sắc theo nhu cầu.

3. Việc tuyển chọn học viên được đào tạo tại các trường của Quân đội nhân dân có trình độ chuyên môn phù hợp vào Công an nhân dân do Bộ trưởng Bộ Công an và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định.

Điều 6. Tuyển chọn, đào tạo công dân ở miền núi, vùng cao, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo vào Công an nhân dân

1. Để đáp ứng nhu cầu bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm ở các địa bàn chiến lược, hàng năm, Bộ Công an được ưu tiên tuyển chọn công dân người dân tộc thiểu số hoặc công dân khác có thời gian thường trú 10 năm liên tục trở lên ở miền núi, vùng cao, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo có trình độ chuyên môn phù hợp vào Công an nhân dân.

2. Bộ trưởng Bộ Công an quy định cụ thể về tiêu chuẩn, trình tự tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí sử dụng; chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng các Bộ: Nội vụ, Tài chính quy định và thực hiện chế độ, chính sách đối với đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 7. Chọn cử sĩ quan, hạ sĩ quan và học viên Công an nhân dân đào tạo tại các cơ sở đào tạo ngoài Công an nhân dân

1. Hàng năm, Bộ Công an được chọn cử sĩ quan, hạ sĩ quan và học viên trong các học viện, trường Công an nhân dân đến các cơ sở đào tạo ngoài Công an nhân dân ở trong nước và ở nước ngoài để đào tạo các ngành, nghề phù hợp với nhiệm vụ công tác công an.

2. Bộ trưởng Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng các Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Quốc phòng, Nội vụ, Tài chính quy định chi tiết Khoản 1 Điều này.

Chương III

**CHỨC VỤ, CHỨC DANH TƯƠNG ĐƯƠNG CHỨC VỤ
TỔNG CỤC TRƯỞNG, TƯ LỆNH TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN**

Điều 8. Mục đích, tiêu chí xác định chức vụ, chức danh tương đương

1. Việc quy định chức vụ, chức danh tương đương chức vụ Tổng cục trưởng, Tư lệnh trong Công an nhân dân làm căn cứ để xây dựng, thực hiện quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng, điều động, bổ nhiệm, miễn nhiệm và thực hiện chế độ, chính sách đối với sĩ quan Công an nhân dân.

2. Chức vụ, chức danh được xác định tương đương chức vụ Tổng cục trưởng, Tư lệnh phải bảo đảm các tiêu chí sau:

- a) Cùng cấp có thẩm quyền bổ nhiệm;
- b) Có cùng tiêu chuẩn chức vụ, chức danh với chức vụ Tổng cục trưởng, Tư lệnh.

Điều 9. Chức vụ, chức danh tương đương chức vụ Tổng cục trưởng, Tư lệnh

1. Chính ủy Bộ Tư lệnh Cảnh sát Cơ động.
2. Việc bổ sung chức vụ, chức danh tương đương chức vụ Tổng cục trưởng, Tư lệnh do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Chương IV

HẠN TUỔI PHỤC VỤ CỦA SĨ QUAN CÔNG AN NHÂN DÂN

Điều 10. Hạn tuổi phục vụ cao nhất của sĩ quan Công an nhân dân

Hạn tuổi phục vụ cao nhất của sĩ quan Công an nhân dân theo cấp bậc hàm thực hiện theo quy định tại Điều 29 Luật Công an nhân dân, cụ thể là:

1. Cấp úy: Nam 53, nữ 53;
2. Thiếu tá, Trung tá: Nam 55, nữ 53;
3. Thượng tá: Nam 58, nữ 55;
4. Đại tá: Nam 60, nữ 55;
5. Cấp tướng: Nam 60, nữ 55.

Điều 11. Điều kiện, thời gian kéo dài hạn tuổi phục vụ của sĩ quan Công an nhân dân là giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, chuyên gia cao cấp, nữ sĩ quan cấp tướng

1. Sĩ quan Công an nhân dân là giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, chuyên gia cao cấp có thể được kéo dài hạn tuổi phục vụ khi có đủ các điều kiện sau:

a) Đơn vị trực tiếp sử dụng sĩ quan hoặc đơn vị khác trong Công an nhân dân thực sự có nhu cầu;

b) Sĩ quan có sức khỏe, phẩm chất, năng lực chuyên môn nghiệp vụ và tự nguyện tiếp tục làm việc theo yêu cầu.

2. Sĩ quan Công an nhân dân là giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, chuyên gia cao cấp có thể được kéo dài hạn tuổi phục vụ để giảng dạy, nghiên cứu khoa học, công nghệ ở cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu trong Công an nhân dân. Thời gian kéo dài quy định như sau:

- a) Không quá 10 năm đối với giáo sư;
- b) Không quá 7 năm đối với phó giáo sư;
- c) Không quá 5 năm đối với tiến sĩ, chuyên gia cao cấp.

3. Nữ sĩ quan Công an nhân dân có cấp bậc hàm cấp tướng được kéo dài tuổi phục vụ, thực hiện việc nghỉ hưu theo quy định tại Nghị định số 53/2015/NĐ-CP ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định về nghỉ hưu ở độ tuổi cao hơn đối với cán bộ, công chức.

4. Trong thời gian kéo dài tuổi phục vụ, người được kéo dài hạn tuổi phục vụ có quyền đề nghị nghỉ làm việc để hưởng chế độ nghỉ hưu theo quy định.

Trường hợp đặc biệt, việc kéo dài tuổi phục vụ cao hơn quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này do Chủ tịch nước quyết định.

5. Trình tự, thủ tục xét kéo dài hạn tuổi phục vụ của sĩ quan Công an nhân dân do Bộ trưởng Bộ Công an quy định.

Điều 12. Chế độ, chính sách đối với sĩ quan được kéo dài hạn tuổi phục vụ

1. Trong thời hạn kéo dài hạn tuổi phục vụ, sĩ quan Công an nhân dân thôi giữ chức vụ lãnh đạo chỉ huy (trừ nữ sĩ quan Công an nhân dân có cấp bậc hàm cấp tướng được kéo dài tuổi phục vụ theo quy định tại Nghị định số 53/2015/NĐ-CP ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định về nghỉ hưu ở độ tuổi cao hơn đối với cán bộ, công chức).

2. Sĩ quan được kéo dài hạn tuổi phục vụ được hưởng lương và các chế độ khác theo quy định hiện hành.

Điều 13. Thẩm quyền quyết định kéo dài hạn tuổi phục vụ đối với sĩ quan Công an nhân dân

1. Việc xét kéo dài hạn tuổi phục vụ của sĩ quan Công an nhân dân có cấp bậc hàm từ Thiếu tướng, chức vụ từ Tổng cục trưởng trở lên do Bộ trưởng Bộ Công an trình cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ quyết định.

2. Việc xét kéo dài hạn tuổi phục vụ của sĩ quan Công an nhân dân có cấp bậc hàm từ Đại tá, chức vụ từ Phó Tổng cục trưởng trở xuống do Bộ trưởng Bộ Công an quyết định.

3. Trường hợp đặc biệt, việc kéo dài hạn tuổi phục vụ của sĩ quan Công an nhân dân do Bộ trưởng Bộ Công an trình Chủ tịch nước xem xét, quyết định.

Chương V

CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI SĨ QUAN, HẠ SĨ QUAN, CHIẾN SĨ CÔNG AN NHÂN DÂN NGHỈ HƯU, CHUYỂN NGÀNH, THÔI PHỤC VỤ TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

Điều 14. Chế độ, chính sách đối với sĩ quan Công an nhân dân nghỉ hưu

1. Sĩ quan Công an nhân dân được nghỉ hưu khi đủ một trong các điều kiện sau:

a) Đủ điều kiện hưởng chế độ hưu trí theo quy định hiện hành của pháp luật về bảo hiểm xã hội;